

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điểm chuẩn trúng tuyển và công nhận thí sinh
trúng tuyển đợt 1 trình độ đại học hệ chính quy năm 2019

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2019
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 187/QĐ-DKVN ngày 19/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 796/BGDĐT-GDĐH ngày 06/03/2019 về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2019 của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 09/8/2019 của Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2019 Trường Đại học Dầu khí Việt Nam về việc xác định điểm chuẩn trúng tuyển đợt 1 trình độ đại học hệ chính quy năm 2019;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 03 /TTr-BTK ngày 09/8/2019 của Trưởng Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2019 Trường Đại học Dầu khí Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điểm chuẩn trúng tuyển đợt 1 và công nhận thí sinh trúng tuyển đợt 1 trình độ đại học hệ chính quy năm 2019 của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam như sau:

- Điểm chuẩn trúng tuyển đợt 1 là **19.00** điểm, áp dụng cho thí sinh phổ thông khu vực 3. Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm);

- Công nhận **71** thí sinh trúng tuyển đợt 1 trình độ đại học hệ chính quy năm 2019 Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (*Danh sách đính kèm*).

Điều 2. Các thí sinh có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng Quy chế Đào tạo, Quy chế công tác học sinh sinh viên, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính và thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT(thay b/c);
- HĐT (e_copy);
- BGH (e_copy);
- TT TTTV (để đưa website);
- Lưu: VT, KHTC, ĐT (5b).



TS. Phan Minh Quốc Bình

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2019
(Đính kèm Quyết định số 648/QĐ-ĐHDK, ngày 09 / 8 /2019 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Dầu khí Việt Nam)

STT	SBD	CMND	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Nơi sinh	ĐM1	ĐM2	ĐM3	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
1	54001059	371956666	NGÔ CHÂU VĨ KHANG	14/07/2001	NAM		1	Kiên Giang	8.6	8.5	7.75	24.85	25.6
2	56006326	321757600	VÕ VĂN VŨ THANH	25/02/2001	NAM		1	Bến Tre	7.6	7.75	8	23.35	24.1
3	39006431	221486219	BÙI VĂN HOÀNG	25/03/2001	NAM		2NT	Phú Yên	8.2	7.5	7.75	23.45	23.95
4	35004823	212883541	NGUYỄN HỒNG PHÚC	10/06/2001	NAM		2	Quảng Ngãi	8.8	7.25	7.5	23.55	23.8
5	34004430	206412079	TRẦN LÊ CÔNG VINH	17/06/2001	NAM		2	Quảng Nam	8.4	8.25	6.75	23.4	23.65
6	02056455	231296264	HỒ NGUYỄN TƯỜNG KHOA	25/01/2001	NAM		3	Gia Lai	7.6	8.75	7.25	23.6	23.6
7	59006750	366364881	NGUYỄN TRƯỜNG VŨ	11/03/2001	NAM		1	Sóc Trăng	8.2	6.5	7.75	22.45	23.2
8	54003401	371991690	NGÔ MINH TRƯỜNG	10/09/2001	NAM		1	Kiên Giang	7.6	7.75	7	22.35	23.1
9	34011259	206320655	HUỖNH VĂN THÌN	25/01/2001	NAM		2	Quảng Nam	7.6	8.25	6.75	22.6	22.85
10	02051830	074201000098	NGUYỄN TRẦN ANH TÚ	23/02/2001	NAM		3	Bình Dương	8	8	6.75	22.75	22.75
11	54004780	372016342	PHAN TRUNG TIỀN	09/10/2001	NAM		1	Kiên Giang	8	7	7	22	22.75
12	34004122	206305031	HUỖNH TRƯƠNG TƯỜNG DUY	10/05/2001	NAM		2	Quảng Nam	8.4	6.75	7.25	22.4	22.65
13	61008933	381966737	BÙI TRƯỜNG KHANG	15/12/2001	NAM		2NT	Cà Mau	7.6	7.75	6.75	22.1	22.6
14	02017665	212617021	VÕ TẤN THẠNH	02/03/2001	NAM		3	Quảng Ngãi	7	8	7.5	22.5	22.5
15	47002215	261612429	VĂN CÔNG MINH KHOA	11/09/2001	NAM		2NT	Bình Thuận	8.2	8	5.75	21.95	22.45
16	37009576	231335366	LÊ XUÂN SƠN	08/10/2001	NAM		1	Thanh Hóa	8.2	6.75	6.5	21.45	22.2
17	17005261	036201002325	NGUYỄN HUY PHÚC	18/09/2001	NAM		1	Quảng Ninh	8.4	6.25	6.75	21.4	22.15
18	40017532	241849906	VŨ ĐỨC TÂM	16/12/2000	NAM		1	Nghệ An	7.8	6.75	6.75	21.3	22.05
19	35002491	212885501	TRẦN THỊ THÚY LIỄU	25/01/2001	NỮ		2	Quảng Ngãi	7	7.5	7.25	21.75	22
20	03010452	031201000255	ĐÀM ĐỨC TOÀN	08/10/2001	NAM		3	Hải Phòng	7.6	6.75	7.5	21.85	21.85

STT	SBD	CMND	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Nơi sinh	ĐM1	ĐM2	ĐM3	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
21	34005493	206277749	NGUYỄN PHẠM THANH TRỌNG	03/12/2001	NAM		1	Quảng Nam	7	7	7	21	21.75
22	07000453	045226439	NGUYỄN MINH TUẤN	05/09/2001	NAM		1	Lai Châu	7.6	7.5	5.75	20.85	21.6
23	28004337	038201013074	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	17/03/2001	NAM		2	Thanh Hóa	7.6	7.5	6.25	21.35	21.6
24	54000844	372042476	NGUYỄN CHÍ TOÀN	22/03/2001	NAM		1	Kiên Giang	7.2	6.5	7	20.7	21.45
25	33001325	191998709	LÊ VĂN LONG	07/07/2001	NAM		2NT	Thừa Thiên Huế	7.6	5	8.25	20.85	21.35
26	40013282	241929365	LÊ TIẾN ĐẠT	05/10/2001	NAM		1	Đắk Lắk	7	7	6.5	20.5	21.25
27	28026038	038201003787	PHAN TRUNG KIÊN	10/04/2001	NAM		2NT	Thanh Hóa	7.4	7	6.25	20.65	21.15
28	42007024	251202717	NGUYỄN VĂN QUANG	28/03/2001	NAM		1	Lâm Đồng	7.6	7.25	5.5	20.35	21.1
29	52008533	079201015393	TRƯƠNG TUẤN HẢI	11/08/2001	NAM		2NT	Bà Rịa-Vũng Tàu	8	6.25	6.25	20.5	21
30	42007748	251281858	HÀ MINH ĐỨC	28/03/2001	NAM		1	Lâm Đồng	7.2	7	6	20.2	20.95
31	16006683	034201011730	ĐOÀN LÊ HIỀN	17/01/2001	NAM		2NT	Lâm Đồng	7.4	6.75	6.25	20.4	20.9
32	40001517	241890063	TRẦN THỊ NHUNG	27/07/2001	NỮ		1	Đắk Lắk	7.4	5.75	7	20.15	20.9
33	40005942	241880954	NGUYỄN VĂN LINH	13/04/2001	NAM		1	Đắk Lắk	7.4	6.25	6.5	20.15	20.9
34	41006107	225771271	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	06/08/2001	NAM		2	Khánh Hòa	7.4	7	6.25	20.65	20.9
35	41009308	225698291	NGUYỄN VĂN AN	21/07/2001	NAM		2	Khánh Hòa	7.4	6.75	6.5	20.65	20.9
36	42001894	251278308	RƠ ÔNG HA XƯỞNG	24/02/2001	NAM	01	1	Lâm Đồng	7.4	5.25	5.5	18.15	20.9
37	61004828	381917093	LƯU HOÀNG KHA	01/02/2001	NAM		1	Cà Mau	6.8	7.25	6	20.05	20.8
38	31002283	044201003673	TRẦN NGỌC CỰU	26/03/2001	NAM		1	Quảng Bình	7	7	6	20	20.75
39	61009326	381906627	TRẦN PHÚ THỊNH	09/01/2001	NAM		2NT	Cà Mau	8.2	6.5	5.5	20.2	20.7
40	63004763	245414577	NGÔ VĂN LONG	26/10/2001	NAM	01	1	Đắk Lắk	6.2	5.5	6.25	17.95	20.7
41	52001934	077301004937	NGUYỄN THẢO NHI	18/01/2001	NỮ		2	Tiền Giang	7.4	6.25	6.75	20.4	20.65
42	56003633	321766355	LÊ HỮU THIÊN	13/12/2001	NAM		2NT	Bến Tre	7.6	6.25	6.25	20.1	20.6

STT	SBD	CMND	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Nơi sinh	ĐM1	ĐM2	ĐM3	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
43	57004097	331883430	TRƯƠNG ĐÌNH VÂN	12/10/2001	NAM		2NT	Vĩnh Long	6.6	6.5	7	20.1	20.6
44	55005085	335005044	NGUYỄN HOÀNG SƠN	06/01/2000	NAM	06	1	Trà Vinh	7	5.75	6	18.75	20.5
45	63003433	245405995	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	10/07/2001	NỮ		1	Đắk Lắk	6.8	6.5	6.25	19.55	20.3
46	21011283	030201001024	NGÔ VĂN ĐỨC	23/06/2001	NAM		1	Hải Dương	7	7	5.5	19.5	20.25
47	42012795	251298073	NGUYỄN MINH HIỆU	17/09/2001	NAM		1	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.2	6.25	7	19.45	20.2
48	28017874	038201019783	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	05/08/2001	NAM		2NT	Thanh Hóa	7.4	6	6.25	19.65	20.15
49	40020261	241823296	PHẠM ĐỖ PHƯƠNG THẢO	23/06/2001	NỮ		1	Quảng Ngãi	6.4	6.5	6.5	19.4	20.15
50	29023603	187913848	BÙI VĂN SƠN	20/02/2001	NAM		1	Nghệ An	6.8	6	6.5	19.3	20.05
51	55003031	092301004274	PHẠM NGỌC THẨM	18/07/2001	NỮ		2	Cần Thơ	6.8	6.25	6.75	19.8	20.05
52	38008850	231275950	LÊ HUỖNH CÔNG HỮU	10/05/2001	NAM		1	Gia Lai	7	6.25	6	19.25	20
53	39007547	221526556	NGUYỄN ANH HẢO	21/04/2001	NAM		2	Phú Yên	8	6	5.75	19.75	20
54	28011973	038201015019	LÊ VĂN LƯU	10/03/2001	NAM		1	Thanh Hóa	7.2	5.5	6.5	19.2	19.95
55	29005553	187828756	PHẠM VĂN THÌN	02/01/2001	NAM		2NT	Nghệ An	7.2	6	6.25	19.45	19.95
56	39003810	221481811	NGUYỄN HUY HOÀNG	18/04/2001	NAM		2NT	Phú Yên	8.2	5	6.25	19.45	19.95
57	47004966	261426061	NGUYỄN CẨM Tú	30/06/2001	NỮ		2NT	Bình Thuận	6.2	6.5	6.75	19.45	19.95
58	42000373	251211213	NGUYỄN TẤN NGHĨA	24/04/2001	NAM		1	Lâm Đồng	5.6	6.5	7	19.1	19.85
59	35011319	212516755	NGUYỄN VĂN MẠNH	04/08/2001	NAM		1	Quảng Ngãi	6.8	5.5	6.75	19.05	19.8
60	53000390	312532557	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG THI	05/09/2001	NAM		2NT	Tiền Giang	7	6.25	6	19.25	19.75
61	02029815	034201009180	HOÀNG NGỌC TÙNG	16/07/2001	NAM		3	Thái Bình	7.2	6	6.5	19.7	19.7
62	63003122	245384756	NGUYỄN MINH HIỆU	02/04/1999	NAM		1	Đắk Lắk	6.6	6.5	5.75	18.85	19.6
63	40006324	241844758	ĐỖ XUÂN QUỐC	20/12/2001	NAM		1	Đắk Lắk	6.8	7	5	18.8	19.55
64	02009969	026102196	NGUYỄN DUY TÂN	07/02/2001	NAM		3	TP. Hồ Chí Minh	7.6	5.25	6.5	19.35	19.35

STT	SBD	CMND	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Nơi sinh	ĐM1	ĐM2	ĐM3	Tổng điểm	Điểm trúng tuyển
65	26002173	034201000423	NGUYỄN CÔNG TUẤN	02/06/2001	NAM		2	Thái Bình	7.6	6	5.5	19.1	19.35
66	37010068	215558311	NGUYỄN NGỌC TỊNH	22/12/2001	NAM		2NT	Bình Định	6.6	6	6.25	18.85	19.35
67	54001250	371990035	ĐUÔNG TÚ QUYÊN	28/08/2001	NỮ		1	Kiên Giang	6.8	5.75	6	18.55	19.3
68	39003387	221482530	LƯƠNG NGỌC CƯỜNG	15/10/2001	NAM		2NT	Phú Yên	7	6	5.75	18.75	19.25
69	51000014	352648338	LÂM VŨ VÂN ANH	10/12/2001	NỮ		2	An Giang	7	7	5	19	19.25
70	52002823	031197000403	NGUYỄN THỊ THỜI	30/04/1997	NỮ		2	Hải Phòng	7.8	6	5	18.8	19.05
71	63002689	245461500	TRẦN VĂN TRÀ	12/01/2000	NAM		1	Nam Định	7	5.5	5.75	18.25	19

Tổng cộng có: 71 thí sinh

Ghi chú: ĐM1: Toán, ĐM2: Lý, ĐM3: Hóa học, ĐTC: Điểm tổng cộng, ĐT: Đối tượng, KV: Khu vực.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Quốc Phong



Phan Minh Quốc Bình

